TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-PT
Ngày 17-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Châu Minh Nguyệt

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2018/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 48/2018/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2018/QĐXXPT-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Nhớ M, sinh năm 1985; cư trú tại: Số 265, ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Chí N, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Hà Kim C, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp 4, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Chị Hà Nhớ M, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Hà Nhớ M trình bày: Chị và anh Lê Chí N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu vào năm 2012. Trong quá trình chung sống, anh N thiếu sự quan tâm, có tính hay ghen, đã dùng nhiều lời lẽ xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị, chị và

anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2014, sau đó có quay lại chung sống nhưng không hạnh phúc, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh N. Quá trình chung sống, chị và anh N có hai con chung tên Lê Chí Đ (Lê Phát Đ), sinh ngày 03/02/2013 và Lê Hà Thảo N, sinh ngày 31/10/2014; thời gian trước hai con sống chung với chị, nhưng từ cuối tháng 6 năm 2017 đến nay hai con sống chung với anh N; chị yêu cầu được quyền nuôi hai con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị là nhân viên của Mobifone Đ, thu nhập hàng tháng ổn định từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng; khi anh N nuôi hai con thì chị có về thăm con. Chị và anh N không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, trong quá trình chung sống vợ chồng chị có nợ chị Hà Kim C 19.000.000 đồng, vợ chồng chị thống nhất mỗi người trả cho chị C 9.500.000 đồng.

Bị đơn anh Lê Chí N trình bày: Anh N thống nhất với lời trình bày của chị M về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, do chị M không chung thủy trong đời sống vợ chồng, anh đã hai lần cảnh cáo nhưng chị M không khắc phục, từ đó vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2014, sau đó có về chung sống lại nhưng không hạnh phúc, nay chị M yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý. Anh làm nghề nhận thầu xây dựng, thường xuyên theo công trình, anh gửi hai con cho cha mẹ ruột của anh nuôi dưỡng, cuối tuần anh về thăm con một lần. Hiện nay cuộc sống của các con đã ổn định nên anh yêu cầu tiếp tục được nuôi các con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý trả ½ khoản nợ cho chị C số tiền 9.500.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Kim C trình bày: Khoảng năm 2012 đến năm 2013, chị M và anh N có vô hụi và mượn của chị số tiền khoảng 40.000.000 đồng, sau đó đã trả hơn 20.000.000 đồng. Hiện nay còn nợ 19.000.000 đồng, nay vợ chồng chị M và anh N ly hôn, chị yêu cầu vợ chồng chị M và anh N cùng có trách nhiệm trả cho chị số nợ trên. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Từ những nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 48/2018/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Hà Nhớ M và anh Lê Chí N.

Về con chung: Tạm giao các con Lê Chí Đ (Lê Phát Đ), sinh ngày 03/02/2013 và Lê Hà Thảo N, sinh ngày 31/10/2014 cho anh Lê Chí N tiếp tục

nuôi dưỡng. Chị Hà Nhớ M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về nợ chung: Buộc Chị Hà Nhớ M và anh Lê Chí N mỗi người trả cho chị Hà Kim C số tiền 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, Luật Thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/5/2018, nguyên đơn chị Hà Nhớ M kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết được quyền nuôi hai con là cháu Lê Chí Đ (Lê Phát Đ), sinh ngày 03/02/2013 và cháu Lê Hà Thảo N, sinh ngày 31/10/2014, chị không yêu cầu anh Nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Hà Nhớ M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của chị Hà Nhớ M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 48/2018/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Chị Hà Nhớ M, cư trú tại ấp Thạnh 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu khởi kiện ly hôn, nuôi con và chia tài sản với anh Lê Chí N, cư trú tại ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Tại biên bản thỏa thuận ngày 12/03/2018 (bút lục 02), chị M và anh N thỏa thuận yêu cầu Tòa án nơi chị M cư trú giải quyết, nên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của chị Hà Nhớ M yêu cầu được quyền nuôi các con, Hội đồng xét xử, xét thấy:

Chị Hà Nhớ M và anh Lê Chí N thống nhất xác định quá trình chung sống anh chị có hai người con chung là cháu Lê Chí Đ (Lê Phát Đ), sinh ngày 03/02/2013 và cháu Lê Hà Thảo N, sinh ngày 31/10/2014, hai cháu sống chung với anh N và cha mẹ của anh N từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Cả chị M và anh N đều có nguyện vọng nuôi hai con.

Xét thấy, quá trình anh N nuôi hai con thì chị M có đến thăm con, được anh N thừa nhận, điều đó cho thấy chị M vẫn yêu thương và có trách nhiệm quan tâm,

chăm sóc con chung. Mặc dù, hai con sống cùng với anh N và cha mẹ anh N từ tháng 6 năm 2017 đến nay, nhưng anh N xác định hiện nay anh làm nghề nhận thầu xây dựng, thường xuyên theo công trình không có ở nhà, hai con anh gửi cho cha mẹ ruột của anh nuôi dưỡng, cuối tuần anh về thăm con một lần, điều đó cho thấy anh N không thường xuyên trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Hiện nay chị M là nhân viên của Mobifone Đ, thu nhập ổn định từ 7.000.000 đồng – 9.000.000 đồng, thời gian làm việc của chị là giờ hành chính, xét thấy, chị M đủ điều kiện về kinh tế và thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con phát triển về vật chất lẫn tinh thần. Cấp sơ thẩm giao cả hai cháu Lê Chí Đ (Lê Phát Đ), sinh ngày 03/02/2013 và cháu Lê Hà Thảo N, sinh ngày 31/10/2014 cho anh Lê Chí N nuôi dưỡng là chưa đảm bảo quyền lợi của chị M, cần giao cho chị M và anh N mỗi người nuôi dưỡng một cháu là phù hợp.

Hiện nay cháu Lê Hà Thảo N, sinh ngày 31/10/2014, mới hơn 36 tháng tuổi, là con gái, cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, nên giao cháu Lê Hà Thảo N, sinh ngày 31/10/2014 cho chị M nuôi dưỡng.

[4] Chị M và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M và anh N đều không có yêu cầu. Chị M và anh N được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của chị Hà Nhớ M; không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 48/2018/HNGĐ-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm, chị Hà Nhớ M không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Hà Nhớ M. Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 48/2018/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Nhớ M và anh Lê Chí N.

2. Về con chung:

Giao cháu Lê Chí Đ (Lê Phát Đ), sinh ngày 03/02/2013 cho anh Lê Chí N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Lê Hà Thảo N, sinh ngày 31/10/2014 cho chị Hà Nhớ M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Buộc anh Lê Chí N có nghĩa vụ giao cháu Lê Hà Thảo N, sinh ngày 31/10/2014 cho chị Hà Nhớ M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Hà Nhớ M và anh Lê Chí N không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Hà Nhớ M và anh Lê Chí N không yêu cầu.

Chị Hà Nhớ M và anh Lê Chí N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị Hà Nhớ M và anh Lê Chí N mỗi người có nghĩa vụ trả cho chị Hà Kim C số tiền 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hà Nhớ M phải chịu 300.000 đồng. Chị Hà Nhớ M đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006747 ngày 11/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Hà Nhớ M và anh Lê Chí N mỗi người phải chịu 237.500 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Hà Nhớ M không phải chịu. Chị Hà Nhớ M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011174 ngày 25/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại 300.000 đồng.

5. Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Lệ Kiêu

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.